

HƯỚNG DẪN ÔN THI
MÔN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
KHOA HỌC

TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CÁN BỘ GIẢNG DẠY
LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

HƯỚNG DẪN ÔN THI
MÔN

**CHỦ NGHĨA
XÃ HỘI
KHOA HỌC**

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
NĂM 2000

TẬP THỂ TÁC GIẢ

PTS. NGUYỄN VĂN DƯƠNG (CHỦ BIÊN)

PTS. PHẠM VĂN HÙNG

HÀ NGỌC KIỆU

PGS. TRẦN VĂN SINH

PTS. DƯƠNG VĂN DUYÊN

PTS. PHẠM VĂN CHÍNH

TRỊNH TRÍ THỨC

NGUYỄN THANH HẢI

Tái bản có sửa chữa, bổ sung

Người thực hiện: PTS. Phạm ngọc thanh

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN.....	7
1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TUỞNG ĐÃ RA ĐỜI NHƯ THỂ NÀO VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU CỦA NÓ?.....	8
2. ĐÂY LÀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TUỞNG - PHÊ PHÁN ĐẦU THẾ KỶ XIX?.....	9
3. ĐÂY LÀ SỰ RA ĐỜI VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC?.....	11
4. ĐÂY LÀ ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC?.....	15
5. ĐÂY LÀ CƠ SỞ KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN? LIÊN HỆ VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM?.....	16
6. VÌ SAO NÓI ĐẢNG CỘNG SẢN LÀ NHÂN TỐ BẢO ĐẢM CHO GIAI CẤP CÔNG NHÂN THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA MÌNH?.....	19
7. TẠI SAO NÓI CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ CON ĐƯỜNG TẮT YẾU CỦA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN?.....	21
8. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM GÌ?.....	22
9. LÝ LUẬN CÁCH MẠNG KHÔNG NGỪNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN CÓ NỘI DUNG GÌ? ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐÃ VẬN DỤNG LÝ LUẬN ĐÓ VÀO QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG NƯỚC TA NHƯ THẾ NÀO?.....	23
10. ĐÂY LÀ TÍNH TẮT YẾU CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA NÓ?.....	26
11. ĐÂY LÀ TÍNH TẮT YẾU, THỰC CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?.....	27
12. TẠI SAO NÓI QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM LÀ MỘT TẮT YẾU LỊCH SỬ?.....	29

13. HÃY TRÌNH BÀY NHỮNG MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM LÀ GÌ? 30
14. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ GÌ? BẢN CHẤT CỦA HỆ THỐNG ĐÓ?..... 33
15. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CÓ VAI TRÒ NHƯ THẾ NÀO? 34
16. ĐÂU LÀ SỰ KHÁC NHAU VỀ CHẤT GIỮA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỒN TẠI TRONG CÁC XÃ HỘI TRƯỚC ĐÓ? 35
17. THẾ NÀO LÀ DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA? BẢN CHẤT DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ GÌ?..... 37
18. NỘI DUNG ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY LÀ GÌ?..... 39
19. THẾ NÀO LÀ CƠ CẤU GIAI CẤP CỦA XÃ HỘI VÀ VỊ TRÍ CỦA NÓ? XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CƠ CẤU GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA LÀ GÌ? 41
20. TÍNH TẮT YẾU, NỘI DUNG CỦA LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI GIAI CẤP NÔNG DÂN VÀ TẦNG LỚP TRÍ THỨC Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY LÀ GÌ?..... 42
21. CƯƠNG LĨNH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN CÓ NỘI DUNG GÌ? PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN ĐỂ Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là gì? 45
22. ĐÂU LÀ BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO? NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY LÀ GÌ?..... 48
23. GIA ĐÌNH CÓ VAI TRÒ NHƯ THẾ NÀO TRONG XÃ HỘI? ĐÂU LÀ NHỮNG CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?..... 51
24. ĐÂU LÀ CƠ SỞ CỦA CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH MỚI TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?..... 54
25. VÌ SAO PHẢI PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI? 56

-
26. ĐÂU LÀ NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG CHỦ YẾU NHẪM PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY?..... 58
27. DỰA TRÊN CƠ SỞ NÀO ĐỂ PHÂN CHIA LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI THÀNH CÁC THỜI ĐẠI KHÁC NHAU? THỜI ĐẠI NGÀY NAY LÀ GÌ? 61
28. ĐÂU LÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THỜI ĐẠI VÀ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA NÓ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY? 62

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Để phục vụ việc giảng dạy và học tập các bộ môn Lý luận chính trị Mác Lênin trong hệ thống trường Đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội tái bản, có sửa chữa và bổ sung cuốn Hướng dẫn ôn thi môn chủ nghĩa xã hội khoa học.

Sách do Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ giảng dạy lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tư tưởng - Văn hoá trước đây tổ chức biên soạn và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tái bản.

Sách được trình bày dưới dạng hỏi - đáp với nội dung đảm bảo tính hệ thống, có trọng điểm, sát yêu cầu của chương trình bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến phê bình của bạn đọc để nâng cao chất lượng sách.

Tháng 3 năm 2000

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

1. Chủ nghĩa xã hội không tưởng đã ra đời như thế nào và các giai đoạn phát triển chủ yếu của nó?

a) Chủ nghĩa xã hội không tưởng là những tư tưởng, những học thuyết biểu hiện dưới dạng chưa đầy đủ, chưa chín muồi những nguyện vọng của quần chúng nhân dân muốn xoá bỏ áp bức, bóc lột và mọi bất công của xã hội, mong muốn xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái, mọi người sống tự do, hạnh phúc.

Những tư tưởng đầu tiên của chủ nghĩa xã hội không tưởng xuất hiện từ thời cổ đại phản ánh sự phẫn uất của quần chúng đối với những hành vi áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị và mơ ước của họ về một xã hội công bằng, tốt đẹp hơn.

Chủ nghĩa xã hội không tưởng với tính cách là một học thuyết ra đời vào thời kỳ hình thành chủ nghĩa tư bản, phê phán xã hội đương thời và hướng tới một xã hội công bằng không có áp bức, bóc lột.

b) Chủ nghĩa xã hội không tưởng đã trải qua các giai đoạn chủ yếu sau:

- Giai đoạn hình thành những tư tưởng đầu tiên của các học thuyết về xã hội kéo dài từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ đến hết thời trung cổ (khoảng từ thế kỷ V trước công nguyên đến thế kỷ XV).

+ Thời kỳ chiếm hữu nô lệ từ thế kỷ V trước công nguyên đến thế kỷ V sau công nguyên xuất hiện những truyền thuyết, huyền thoại dân gian nói lên tâm trạng bất bình của quần chúng nhân dân với chế độ đương thời và thi vị hoá những ảo vọng về quá khứ của "kỷ nguyên hoàng kim", đã qua - thời đại cộng sản nguyên thủy.

+ Thời kỳ trung cổ từ khoảng thế kỷ V đến thế kỷ XV: thời kỳ này đã bắt đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá và tiền tệ, đặc biệt là sau thế kỷ X đã xuất hiện những trung tâm công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp. Xuất hiện những tư tưởng phê phán xã hội đương thời và nêu lên những bất bình của quần chúng

nhân dân với xã hội lúc đó. Nhưng những tư tưởng xã hội chủ nghĩa lúc ấy vẫn mang nặng thế giới quan tôn giáo.

- Giai đoạn từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII: chủ nghĩa tư bản ra đời và phát triển mạnh, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử xã hội loài người nhưng đồng thời cũng đẻ ra những bất công xã hội và những hình thức bóc lột mới, nặng nề và tàn bạo hơn so với trước. Xuất hiện một loạt các học thuyết xã hội phản ánh nguyện vọng của nhân dân, mơ ước đến một xã hội nhân đạo hơn, con người được tôn trọng hơn, một xã hội lý tưởng mà ở đó không có sự bất công v.v.. Những nhà tư tưởng tiêu biểu của giai đoạn này là: Tômát Morơ (1478-1535) người Anh, Tômađô Campanenla (1568-1639) người Italia và Grắc Babóp (1760- 1779) người Pháp...

- Chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán thế kỷ XIX

Đầu thế kỷ XIX ở các nước Tây Âu, chủ nghĩa tư bản đã đạt được những bước phát triển mới. Thời kỳ này chủ nghĩa xã hội không tưởng đạt tới đỉnh cao về mặt lý luận, mang tính phê phán sâu sắc và chứa đựng nhiều dự kiến thiên tài về một xã hội tương lai. Những đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa xã hội không tưởng của thời kỳ này là C.H. Xanh Ximông (1760 - 1825) người Pháp, S. Phuriê (1772-1837) người Pháp và R.Ôoen (1771-1858) người Anh.

- Từ giữa thế kỷ XIX khi học thuyết của C.Mác và Ph.Ăngghen xuất hiện, như Mác và Ăngghen đã nhận xét rằng, ý nghĩa lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng là tỷ lệ nghịch với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

2. Đây là giá trị lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán đầu thế kỷ XIX?

Đầu thế kỷ XIX xuất hiện ba nhà xã hội không tưởng - phê phán vĩ đại ở châu Âu: C.H. Xanh Ximông (1760-1825). S. Phuriê (1772-1837) ở Pháp và R.Ôoen (1771-1858) ở Anh.

- Giá trị lịch sử và công hiến lớn lao của các nhà không tưởng -

phê phán là ở chỗ:

+ Họ đã nghiêm khắc lên án sự bất công và vạch ra những tội ác do chủ nghĩa tư bản gây ra.

+ Các nhà xã hội không tưởng - phê phán đã đề xuất việc xây dựng một xã hội mới thực sự công bằng và tiên đoán một cách thiên tài nhiều chân lý mà tính đúng đắn của nó đã được Mác và Ăngghen chứng minh bằng khoa học. Đó là: xoá bỏ nạn người bóc lột người, lên án chế độ tư hữu (Ôoen), biến nhà nước thành cơ quan thuần tuý quản lý sản xuất và phát triển sản xuất theo một kế hoạch hợp lý, làm hài hoà các quan hệ xã hội, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện, xoá bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giải phóng phụ nữ.

+ Nhìn chung, tư tưởng của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng và nhất là không tưởng - phê phán đầu thế kỷ XIX đã mang những yếu tố của chủ nghĩa nhân đạo có tác dụng thức tỉnh ý thức đấu tranh của quần chúng lao động trong một thời kỳ lịch sử nhất định.

- Bên cạnh những cống hiến lớn lao, các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng - phê phán còn có những hạn chế lịch sử nhất định:

+ Tuy có phê phán gay gắt chủ nghĩa tư bản nhưng họ đã không vạch ra được bản chất và các quy luật vận động của nó.

+ Không thấy được lực lượng xã hội có khả năng xoá bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa cộng sản là giai cấp công nhân hiện đại.

+ Con đường cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội mới của họ mang tính chất cải lương, ảo tưởng, bằng tuyên truyền, thuyết phục hoặc bằng thực nghiệm xã hội.

- Nguyên nhân của những hạn chế lịch sử đó là do:

+ Thời kỳ ấy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chưa phát triển đến độ chín muồi, do đó, chưa bộc lộ hết những mặt bản chất

sâu xa và những mâu thuẫn vốn có của nó.

+ Giai cấp công nhân hiện đại chưa phát triển với tư cách là một giai cấp đã trưởng thành, cuộc đấu tranh của họ còn ở trình độ tự phát.

+ Các nhà không tưởng này đều xuất thân từ tầng lớp trên, chưa thoát khỏi hệ tư tưởng tư sản.

Tuy còn có những hạn chế, nhưng chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán thế kỷ XIX vẫn được thừa nhận là nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác và Ăngghen sáng lập.

Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời và trở thành vũ khí lý luận của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Từ đó về sau mọi sự tuyên truyền chủ nghĩa xã hội mang tính chất không tưởng đều trở thành lạc hậu, thậm chí là phản động đối với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự thống trị và bóc lột của giai cấp tư sản.

3. Đây là sự ra đời và các giai đoạn phát triển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học?

a) Những điều kiện và tiền đề ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chủ nghĩa Mác nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng ra đời trên những tiền đề và điều kiện sau:

- Những tiền đề kinh tế - xã hội quyết định cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học là sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

+ Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, nền đại công nghiệp ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển mạnh, chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ rõ bản chất và những mâu thuẫn vốn có của nó. Đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất đã được xã hội hoá cao với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn đó ngày càng trở nên không điều hoà và được biểu hiện ra ngoài xã hội là

mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ngày càng gay gắt.

+ Trong thời kỳ này, giai cấp vô sản đã trưởng thành và bước lên vũ đài với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Tiêu biểu là những cuộc khởi nghĩa của công nhân Liông ở Pháp năm 1831-1834, công nhân dệt Xilêdi ở Đức năm 1844 và đặc biệt là phong trào Hiến chương ở Anh (1838-1848) là phong trào cách mạng to lớn đầu tiên, thật sự có tính chất quần chúng và có hình thức chính trị. Những phong trào đó đã cung cấp những bài học cho sự khái quát lý luận, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu bức thiết phải xây dựng một hệ thống lý luận khoa học, cách mạng để soi đường cho sự phát triển của phong trào.

- Tiền đề tư tưởng - lý luận: Ba trào lưu tư tưởng xuất hiện vào thế kỷ XIX như triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán Pháp là những tiền đề lý luận cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Mác và Ăngghen đã tiếp thu một cách có phê phán các lý luận này, khắc phục những hạn chế của chúng và chứng minh bằng khoa học các tiên đoán thiên tài của các vị tiền bối.

- Tiền đề khoa học: những phát kiến về khoa học tự nhiên, đặc biệt là học thuyết về tế bào, định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, thuyết tiến hoá của Đacuyn đã cung cấp những cơ sở khoa học để khẳng định thêm những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

- Ngoài những tiền đề khách quan, chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời còn do công lao cống hiến của Mác và Ăngghen. Với quan niệm duy vật về lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư của Mác, chủ nghĩa xã hội đã từ không tưởng trở thành khoa học.

Những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học đã được Mác và Ăngghen trình bày trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"

- văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của phong trào công sản và công nhân quốc tế.

b) Những giai đoạn phát triển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Chủ nghĩa xã hội khoa học phát triển qua ba giai đoạn chủ yếu sau đây:

- Giai đoạn Mác - Ăngghen (từ giữa những năm 40 đến 1894):

+ Hai ông đã đặt nền móng và phát triển những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học: lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về chuyên chính vô sản, về các giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc, tôn giáo... Nhờ công lao của hai ông, chủ nghĩa xã hội khoa học đã xâm nhập vào phong trào công nhân, đưa đến sự ra đời của Quốc tế I (1864 - 1876), Quốc tế II (1889 - 1914), các đảng công sản và công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa - hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở các nước và phong trào cách mạng quốc tế.

- Giai đoạn Lênin (1894 - 1924): Thời kỳ này, chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

+ Lênin, một mặt, đấu tranh không khoan nhượng chống lại mọi chủ nghĩa cơ hội và xét lại, mặt khác, phát triển nhiều luận điểm của Mác trong điều kiện lịch sử mới. Đó là lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, về cách mạng không ngừng, những vấn đề về chiến lược, sách lược cách mạng của phong trào công sản và công nhân quốc tế.

+ Sau Cách mạng Tháng Mười, Lênin phát triển lý luận về thời kỳ quá độ, những nguyên lý về cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, học thuyết về xây dựng đảng kiểu mới, lý luận về nhà nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Cống hiến của Lênin trong việc phát triển lý luận cũng như biến

nó thành hiện thực được thừa nhận như một bước phát triển mới của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giai đoạn từ sau khi Lênin mất cho đến nay:

+ Trong giai đoạn này, các đảng cộng sản và công nhân, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc đã phát triển rộng rãi, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hiện thực ở châu Âu, Á, Phi và Mỹ Latinh. Lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học tiếp tục được bổ sung, phát triển và vận dụng vào điều kiện cụ thể từng nước trong quá trình đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Nhưng, do bệnh chủ quan duy ý chí, không biết kế thừa những thành tựu tiến bộ mà nhân loại đã tạo ra trong thời đại tư bản không tôn trọng quy luật khách quan, muốn đốt cháy giai đoạn phát triển, nên việc cụ thể hoá và đưa lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học vào cuộc sống không phản ánh đúng những tư tưởng của Mác, Ăngghen và Lênin. Vì vậy đã tạo nên những mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực mang nặng tính quan liêu, bao cấp, tập trung cứng nhắc kéo dài nhiều năm. Đồng thời lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học cũng không được phát triển kịp với sự thay đổi nhanh chóng và ngày càng phức tạp của tình hình thế giới và sự phát triển của thời đại.

Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự khủng hoảng, kéo dài để cuối cùng dẫn đến sự sụp đổ ở một số nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô những nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trong những năm 80 thế kỷ XX.

Ngày nay trong giai đoạn cách mạng thế giới tạm thời ở thời kỳ thoái trào, chủ nghĩa xã hội đang đứng trước những khó khăn, thử thách gay gắt, tình hình đó đòi hỏi các đảng cộng sản và giai cấp công nhân mỗi nước phải tự đổi mới, không ngừng nâng cao trình độ lý luận, nắm vững phương pháp luận và vận dụng sáng tạo

những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-lênin vào thực tiễn để giải quyết những nhiệm vụ đang đặt ra của cách mạng nước mình.

4. Đây là đối tượng và phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học?

a) Chủ nghĩa Mác-lênin bao gồm ba bộ phận hợp thành: triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Triết học và kinh tế chính trị học là cơ sở lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, còn chủ nghĩa xã hội khoa học là sự phát triển tất yếu, hợp logic của hai bộ phận trên.

+ Điểm chủ yếu nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học là làm sáng rõ vai trò lịch sử của giai cấp công nhân.

+ Về tính thống nhất của ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác-Lênin: tính thống nhất thể hiện ở hạt nhân của chủ nghĩa Mác-Lênin là phép biện chứng duy vật, ở tính thống nhất về mục đích đều nhằm luận chứng toàn diện cho vai trò lịch sử của giai cấp công nhân.

+ Các bộ phận có tính độc lập tương đối, mỗi bộ phận có đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu các phạm trù, quy luật riêng của mình.

b) Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Phân biệt đối tượng nghiên cứu của môn chủ nghĩa xã hội khoa học với những môn khoa học khác.

+ Chủ nghĩa duy vật lịch sử nghiên cứu những quy luật chung của xã hội loài người và những biểu hiện của chúng ở những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Còn chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ tập trung nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của riêng hình thái - kinh tế cộng sản chủ nghĩa.

+ Kinh tế chính trị học Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học đều nghiên cứu quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, nhưng kinh tế chính trị học nghiên cứu những quy luật kinh tế, còn chủ nghĩa xã hội

khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội.

+ Các khoa học chuyên ngành khác nghiên cứu những mặt riêng lẻ của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, còn chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội mang tính tổng quát, do vậy nó là cơ sở phương pháp luận cho các khoa học chuyên ngành.

- Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là những quy luật và tính quy luật của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân nhằm giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội, là những quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

c) Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ Triết học Mác - Lênin là cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ Phương pháp tổng hợp: sự luận chứng toàn diện về triết học, kinh tế học và chính trị học nhằm làm sáng tỏ vai trò lịch sử của cấp công nhân; từ những hiện tượng, quá trình... được tổng hợp lại và khái quát thành lý luận.

+ Kết hợp lôgic và lịch sử, sử dụng rộng rãi các phương pháp xã hội học.

5. Đây là cơ sở khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Liên hệ với giai cấp công nhân Việt Nam?

a) Giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản là giai cấp cơ bản đối lập với giai cấp tư sản; họ không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống; họ đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội.

- Khi nghiên cứu xã hội tư bản C.Mác và Ph.Ăngghen đã vạch rõ mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản gắn liền với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn tất yếu dẫn đến cách mạng xã hội

chủ nghĩa, thiết lập phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa. Ở đây giai cấp công nhân là người thực hiện sứ mệnh lịch sử ấy. Sứ mệnh đó là lật đổ giai cấp tư sản, thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa trên phạm vi một nước cũng như trên phạm vi toàn thế giới.

- Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử ấy, giai cấp công nhân phải tiến hành cách mạng thông qua các giai đoạn sau:

+ Giai cấp công nhân phải tự tổ chức ra chính đảng của mình, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản.

+ Tiến hành công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

b) Vì sao giai cấp công nhân hiện đại có thể thực hiện sứ mệnh lịch sử ấy?

- Giai cấp công nhân hiện đại có thể thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử ấy của mình là do địa vị kinh tế - xã hội của nó quy định.

+ Sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa làm xuất hiện đội ngũ giai cấp công nhân, họ đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội và là nhân tố quyết định trong việc thủ tiêu quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

+ Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động, bị bóc lột nặng nề, nhưng họ là lực lượng xã hội ngày càng lớn mạnh về số lượng và chất lượng. Họ là điều kiện tồn tại của giai cấp tư sản và xã hội tư bản.

+ Giai cấp công nhân có lợi ích cơ bản nhất trí với lợi ích của toàn thể nhân dân lao động nên có thể thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

- Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân quy định một cách khách quan những đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân hiện đại.

Những đặc điểm đó là:

- + Giai cấp công nhân hiện đại là giai cấp tiên tiến nhất
- + Là giai cấp có tinh thần triệt để cách mạng
- + Là giai cấp có tính tổ chức và kỷ luật cao
- + Là giai cấp có bản chất quốc tế.

c) Liên hệ với giai cấp công nhân Việt Nam

- Giai cấp công nhân Việt Nam tuy mới ra đời, còn non trẻ, nhưng đã sớm trở thành lực lượng chính trị - xã hội độc lập, thống nhất về tư tưởng và tổ chức, do đó, sớm giành được vị trí lãnh đạo trong phong trào đấu tranh cách mạng của toàn dân tộc.

Giai cấp công nhân Việt Nam có được vai trò như vậy là do họ đã có những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, ngoài ra, họ còn mang những đặc điểm riêng như giai cấp công nhân Việt Nam kế thừa được truyền thống yêu nước; sớm tổ chức ra chính đảng của mình; gắn bó mật thiết với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, hình thành khối liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức: giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế và đã nhận được sự giúp đỡ mọi mặt của giai cấp công nhân quốc tế. Qua khảo nghiệm tất cả các phong trào yêu nước đã diễn ra vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 ở Việt Nam, chúng ta có thể rút ra kết luận; chỉ có đường lối cứu nước theo lập trường của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam mới đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp đến thành công.

- Giai cấp công nhân Việt Nam từ khi ra đời, nhất là từ khi có chính đảng của mình đã trở thành lực lượng chính trị tiên phong đi đầu trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, giai cấp công nhân đã và đang vươn lên để đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp

đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa, trước hết, phải từng bước phát triển cả số lượng và chất lượng, khắc phục những hạn chế do điều kiện và hoàn cảnh lịch sử để lại như kém phát triển về kinh tế, trình độ chưa cao về văn hoá, khoa học, kỹ thuật; tác phong, tập quán, thói quen, tâm lý còn chịu ảnh hưởng khá nặng của người sản xuất nhỏ.

6. Vì sao nói Đảng cộng sản là nhân tố bảo đảm cho giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình?

a) Quy luật ra đời của Đảng cộng sản?

- Đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

+ Từ khi hình thành, giai cấp công nhân đã tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại giai cấp tư sản, nhưng lúc đầu cuộc đấu tranh ấy cũng trải qua những tổn thất hoặc chưa đạt được mục đích đề ra của giai cấp công nhân. Một trong những nguyên nhân của những thất bại đó là không có một học thuyết cách mạng dẫn đường.

+ Chủ nghĩa Mác ra đời đã đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của cuộc đấu tranh ấy, vì vậy nó được giai cấp công nhân tiếp thu và nhanh chóng trở thành hệ tư tưởng và vũ khí lý luận của giai cấp công nhân, đảm bảo cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển nhảy vọt về chất.

Sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân dẫn đến sự ra đời của đảng cộng sản - chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân.

- Ở nước ta, sự ra đời của Đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

b) Đảng Cộng sản - nhân tố đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

- Chính đảng của giai cấp công nhân là tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của mình.

Khẳng định bản chất giai cấp công nhân của đảng không có nghĩa là tách rời đảng, giai cấp với các tầng lớp nhân dân lao động, với toàn thể dân tộc. Đảng cộng sản là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân, đảng đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

- Đảng giữ vai trò tiên phong trong chính trị cũng như trong lý luận và trong hành động, có nhiệm vụ đề ra mục tiêu, phương hướng, đường lối đúng đắn phù hợp với yêu cầu phát triển khách quan của đất nước và phấn đấu, hy sinh cho mục tiêu đó. Đồng thời, Đảng có vai trò giáo dục, tổ chức, lãnh đạo giai cấp, toàn dân tộc đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển của Đảng.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện vai trò lãnh đạo với tinh thần trách nhiệm cao trước giai cấp và dân tộc. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, Đảng đang lãnh đạo nhân dân ta từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đi theo cương lĩnh do Đảng vạch ra, xây dựng đất nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn

vinh.

7. Tại sao nói cách mạng xã hội chủ nghĩa là con đường tất yếu của quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự cải biến xã hội một cách căn bản, đánh dấu bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, là con đường phát triển tất yếu của quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan bắt nguồn từ sự vận động của những mâu thuẫn cơ bản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hoá cao với quan hệ sản xuất mang tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất kìm hãm sự phát triển của nó. Đây là mâu thuẫn không thể điều hoà. Lực lượng sản xuất càng phát triển thì tính chất xã hội hoá của nó ngày càng cao và do đó càng mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi phải xoá bỏ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, thiết lập sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất dưới nhiều hình thức và bước đi để tạo địa bàn cho lực lượng sản xuất tiếp tục phát triển từng bước từ thấp đến cao.

- Mâu thuẫn cơ bản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa biểu hiện ra về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Đây là mâu thuẫn đối kháng không thể điều hoà, vì giai cấp vô sản là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội tư bản, sản xuất ra phần lớn của cải vật chất cho xã hội, nhưng lại bị giai cấp tư sản bóc lột và tước mất quyền sử dụng và kiểm soát việc sử dụng nguồn của cải do chính họ làm ra.

Sự vận động của những mâu thuẫn cơ bản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội tư bản chủ nghĩa đến một lúc

nào đó tất yếu sẽ nổ ra cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà giai cấp công nhân, do địa vị kinh tế - xã hội của mình, sẽ là động lực chính và là người lãnh đạo cuộc cách mạng đó.

- Hiện nay, chủ nghĩa tư bản còn có tiềm năng phát triển kinh tế nhờ ứng dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, thay đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh các hình thức sở hữu và chính sách xã hội. Song, những mâu thuẫn cơ bản của nó vẫn tồn tại và ngày càng trở nên gay gắt. Sự phát triển của những mâu thuẫn đó tất sẽ đến lúc chín muồi và chỉ có thể giải quyết được nó bằng một cuộc cách mạng xã hội được chính chủ nghĩa tư bản chuẩn bị một cách hợp quy luật.

- Tuy nhiên, cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể diễn ra một cách tự phát, nó là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động chống lại sự thống trị của giai cấp tư sản. Nó chỉ có thể nổ ra và giành thắng lợi khi có đủ tình thế, thời cơ và điều kiện chín muồi của cách mạng. Giai cấp công nhân không thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình bằng con đường cải lương.

- Ở những nước chưa qua chế độ tư bản chủ nghĩa thì quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được diễn ra qua hai giai đoạn: giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ và giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa theo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó cuộc cách mạng trước là tiền đề và điều kiện cho cuộc cách mạng sau và giữa hai cuộc cách mạng ấy không hề có bức tường nào ngăn cách cả.

8. Cách mạng xã hội chủ nghĩa có những đặc điểm gì?

Cách mạng xã hội chủ nghĩa có những đặc điểm nổi bật khác hẳn các cuộc cách mạng xã hội đã từng diễn ra trong lịch sử.

Thứ nhất, các cuộc cách mạng xã hội trước đây chỉ dẫn đến việc

thay thế chế độ tư hữu này bằng chế độ tư hữu khác, hình thức áp bức, bóc lột này bằng hình thức áp bức, bóc lột khác. Trái lại, cách mạng xã hội chủ nghĩa do chỗ có mục tiêu cuối cùng là xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu chấm dứt mọi hình thức bóc lột, mọi chế độ bóc lột người, giải phóng con người khỏi tình trạng phân chia giai cấp và áp bức, bóc lột giai cấp. Vì vậy, nó cũng là cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong lịch sử xã hội loài người.

+ Thứ hai, cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng nhân dân sâu sắc nhất trong lịch sử. Các cuộc cách mạng xã hội trước đây mưu lợi chủ yếu cho một thiểu số, và sau khi giành được chính quyền, giai cấp bóc lột thống trị lập tức phản bội lại nhân dân. Cách mạng xã hội chủ nghĩa mưu lợi cho đại đa số nhân dân lao động, lôi cuốn đa số nhân dân tham gia và đi cùng nhân dân cho đến khi giải phóng lao động và giải phóng nhân loại một cách triệt để. Điều đó có thể thực hiện được do lợi ích của giai cấp công nhân - giai cấp lãnh đạo cách mạng - về cơ bản thống nhất với lợi ích của đa số nhân dân lao động.

+ Thứ ba, cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng gay go, phức tạp và lâu dài, phải trải qua nhiều giai đoạn mới đạt được mục đích cuối cùng của nó là chủ nghĩa cộng sản. Còn các cuộc cách mạng xã hội trước đây, về cơ bản, hoàn thành sau khi giành được chính quyền vì phương thức sản xuất mới (cũng dựa trên chế độ tư hữu) đã hình thành khá vững chắc trong lòng xã hội cũ.

9. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin có nội dung gì? Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng lý luận đó vào quá trình cách mạng nước ta như thế nào?

a) Nội dung lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Tư tưởng cách mạng không ngừng của C. Mác và Ph. Ăngghen:

+ Xuất phát từ mục tiêu cách mạng của giai cấp công nhân là xoá bỏ giai cấp, C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ ra rằng, đó là quá trình đấu tranh giai cấp quyết liệt trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có yêu cầu và nội dung cụ thể, sau mỗi giai đoạn, tùy theo điều kiện và khả năng của mình thực hiện những nhiệm vụ của giai đoạn kế tiếp.

+ Tư tưởng cách mạng không ngừng của C. Mác và Ph. Ăngghen, một mặt, thể hiện tính giai đoạn và tính liên tục của quá trình cách mạng của giai cấp công nhân. Trước hết, đó là việc giai cấp công nhân với tính cách là lực lượng chính trị độc lập tham gia vào cuộc cách mạng dân chủ tư sản, sau đó, tiến hành đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, thực hiện nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; mặt khác, tư tưởng cách mạng không ngừng còn thể hiện ở chỗ, cuộc cách mạng của giai cấp công nhân phải phát triển cho tới khi "sự liên hiệp của những người vô sản không những ở trong một nước mà cả ở trong tất cả các nước chiếm địa vị thống trị trên thế giới" (C. Mác).

+ C. Mác còn nêu điều kiện để thực hiện cách mạng không ngừng là phải kết hợp chặt chẽ phong trào vô sản và phong trào nông dân.

- V.I. Lênin phát triển lý luận cách mạng không ngừng.

+ Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã trở thành lực lượng kìm hãm sự phát triển của xã hội, giai cấp công nhân trở thành lực lượng chính trị mạnh mẽ.

+ Lênin đã phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của Mác, Ăngghen và sáng tạo ra lý luận cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. Trong cuộc cách mạng này, do tính chất của nó, giai cấp công nhân không chỉ tham gia vào quá trình cách mạng ấy mà còn là lực lượng lãnh đạo cách mạng tư sản kiểu mới. Sau khi cách mạng tư sản kiểu mới thành công, giai cấp công nhân phải chuyển ngay sang thực

hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa mà dứt khoát không "dừng lại ở nửa đường", Lênin chỉ rõ mối quan hệ giữa cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo Lênin, giữa hai cuộc cách mạng đó có mối quan hệ chặt chẽ và không có bức tường nào ngăn cách cả, đó là hai giai đoạn, tuy nội dung và mục đích khác nhau, của việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

+ Lênin còn nêu ra các điều kiện để thực hiện quá trình chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới sang cách mạng xã hội chủ nghĩa là: phải thực hiện quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân: thực hiện sự liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân: chính quyền công - nông phải chuẩn bị mọi điều kiện để thực hiện nhiệm vụ của chuyên chính vô sản. Trong đó, Lênin đặc biệt nhấn mạnh điều kiện tiên quyết để thực hiện quá trình cách mạng không ngừng là giai cấp công nhân, thông qua chính đảng của mình, phải giữ vững vai trò lãnh đạo cách mạng.

+ Lênin đã kiên quyết chống lại mưu toan thủ tiêu lý luận cách mạng không ngừng (như tư tưởng cách mạng thường trực của Trótxky). Và chính tư tưởng cách mạng không ngừng đã đưa cách mạng Nga đến thắng lợi.

b) Sự vận dụng lý luận cách mạng không ngừng của Đảng ta.

- Từ khi ra đời, trong "Luận cương" năm 1930. Đảng ta đã xác định cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Khi nửa nước được giải phóng (1954), Đảng ta đã tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Sau khi cả nước thống nhất (1975), thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước.

- Bài học xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta

là: Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thể hiện quy luật vận động của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay.

10. Đây là tính tất yếu của xã hội xã hội chủ nghĩa và những đặc trưng cơ bản của nó?

- Sự phát triển của xã hội loài người là một quá trình lịch sử - tự nhiên.

Sự ra đời và tồn tại của một chế độ xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định là do sự tác động của các quy luật khách quan. Sự thay thế xã hội này bằng một xã hội khác văn minh và tiến bộ hơn cũng là một tất yếu lịch sử.

- Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không phải là một hiện tượng tự phát, ngẫu nhiên, mà có nguồn gốc kinh tế xã hội sâu xa của nó. Đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hoá cao với quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản ngày càng phát triển. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản phát triển đến mức cao là cách mạng xã hội nổ ra. Chế độ xã hội mới ra đời - đó là chế độ xã hội chủ nghĩa, một xã hội văn minh và tiến bộ hơn xã hội tư bản chủ nghĩa. Nó đáp ứng được ước mơ và nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động, mong muốn xoá bỏ mọi áp bức, bất công, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Muốn có chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài để xây dựng cả cơ sở hạ tầng lẫn kiến trúc thượng tầng mới mà trọng tâm là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản có những đặc trưng cơ bản sau:

+ Xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, thiết lập

chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Phát triển nền sản xuất xã hội với tốc độ cao, tạo ra nhiều của cải có thể thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

+ Thực hiện nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo lao động.

+ Con người được phát triển toàn diện.

+ Phát triển có kế hoạch định hướng nền kinh tế, văn hoá xã hội. Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của một xã hội văn minh.

- Vận dụng những tư tưởng trên của chủ nghĩa Mác, Đảng ta xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội:

+ Do nhân dân lao động làm chủ.

+ Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

+ Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

+ Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

11. Đây là tính tất yếu, thực chất và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

a) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nô sang xã hội kia; là một thời kỳ "sinh đẻ" kéo dài và đau đớn. Thời kỳ đó bắt đầu từ sau khi cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân giành được chính quyền nhà nước và kết thúc khi xây dựng xong cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã nêu ra hai kiểu quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và quá độ gián tiếp từ những xã hội tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. Dù là trực tiếp hay gián tiếp đều phải trải qua một quá trình gay go, phức tạp và lâu dài.

Ở mỗi nước do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội khác nhau mà độ dài, ngắn của thời kỳ quá độ có khác nhau.

Cần phải có một thời kỳ quá độ lâu dài để đổi mới nền sản xuất xã hội. Cần có thời gian mới thay đổi căn bản trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và phải trải qua một cuộc đấu tranh quyết liệt mới có thể thắng được sức mạnh to lớn của thói quen quản lý theo kiểu tiểu tư sản và tư sản.

b) Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ đấu tranh quyết liệt giữa một bên là giai cấp công nhân liên minh với các tầng lớp nhân dân lao động khác (chủ yếu là nông dân và tầng lớp trí thức) để giành chính quyền, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội: với một bên là các giai cấp bóc lột và các thế lực phản động mới bị đánh đổ, nhưng chưa hoàn toàn bị xoá bỏ về mặt giai cấp đang được bọn đế quốc và các thế lực phản động quốc tế giúp đỡ. Chúng đang hy vọng giành lại "cái thiên đường" đã mất. Ở những nước kém phát triển, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp còn được biểu hiện cụ thể dưới dạng cuộc đấu tranh dai dẳng và quyết liệt giữa hai con đường phát triển: con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội với con đường phát triển theo chủ nghĩa tư bản.

c) Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là những nhân tố của xã hội mới và những tàn dư của xã hội cũ tồn tại đan xen lẫn nhau và đấu tranh với nhau trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng và phong tục tập quán.

- + Về mặt kinh tế: là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.
- + Gắn liền với các thành phần kinh tế là cơ cấu xã hội còn nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội có lợi ích căn bản khác nhau.
- + Về mặt xã hội, còn có sự khác biệt cơ bản giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, lao động trí óc và lao động chân tay, vấn đề bình đẳng và công bằng xã hội cần phải được xác lập dần dần.
- + Về mặt văn hoá, tư tưởng: bên cạnh nền văn hoá mới, lối sống mới vừa xây dựng, còn tồn tại những tàn tích của nền văn hoá cũ, lối sống cũ, tư tưởng cũ lạc hậu, thậm chí phản động, gây cản trở không nhỏ cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của các dân tộc sau khi mới được giải phóng.

12. Tại sao nói quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu lịch sử?

a) V.I. Lênin viết: tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng các dân tộc tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải hoàn toàn giống nhau.

- Chính Mác, Ăngghen và Lênin đều cho rằng các nước lạc hậu về kinh tế vẫn có khả năng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội mà không phải trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Lịch sử thế giới cũng đã có nhiều trường hợp bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời để tiến thẳng lên hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ hơn.

Như vậy, việc nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, mặc dù là một trường hợp đặc biệt, vẫn là một hiện tượng phù hợp với quy luật phát triển lịch sử.

b) Thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại.

- Thời đại ngày nay đặt ra những thách thức to lớn đối với các nước lạc hậu về kinh tế, đồng thời lại tạo ra những cơ hội lớn lao đối với những nước và vùng lãnh thổ này. Đài Loan, Xingapo, Hồng Kông, Hàn Quốc là những thí dụ về sự phát triển nhảy vọt trong lĩnh vực kinh tế và công nghệ.

c) Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, chính lịch sử đã lựa chọn Đảng Cộng sản Việt Nam làm người đại diện cho dân tộc, lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc; do vậy, định hướng xã hội chủ nghĩa đã được thừa nhận ngay từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

- Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo giành được thắng lợi đã tạo ra những tiền đề khách quan cho sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Bản thân nhân dân lao động Việt Nam đã có kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về chế độ thực dân tư bản với những tệ nạn xấu xa của nó trong việc áp bức bóc lột quần chúng và họ từ chối con đường tư bản chủ nghĩa, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự lựa chọn có tính lịch sử phù hợp với lợi ích của dân tộc và nhân dân, phù hợp với xu thế phát triển tiến bộ của thời đại.

d) Trong tình hình thế giới hiện nay, trong khi đánh giá đầy đủ những khó khăn đang gặp phải, nước ta vẫn kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa và thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện sự nghiệp xây dựng đất nước. Đường lối đổi mới của Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiến pháp 1992 của nước ta đã thể hiện sâu sắc ý chí đó của toàn Đảng, toàn dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước.

13. Hãy trình bày những mục tiêu và phương hướng cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là gì?

- Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ

nghĩa, từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, lực lượng sản xuất phát triển rất thấp nếu không được nhanh chóng khắc phục sẽ khó đuổi

kip trình độ chung thậm chí dễ bị tụt hậu. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh tàn phá nặng nề. Những tàn dư của chủ nghĩa thực dân, phong kiến còn nhiều. Chủ nghĩa xã hội thế giới đang lâm vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng. Trong khi thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, tăng cường giao lưu và hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới thì lại đề phòng nguy cơ đi chệch theo con đường tư bản chủ nghĩa và những tệ nạn tham nhũng, tha hoá, biến chất gắn liền với mặt trái của cơ chế thị trường. Không những thế các thế lực thù địch lại thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập của nhân dân ta. Bằng nhiều thủ đoạn trong đó có thủ đoạn diễn biến hoà bình. Đó là những khó khăn lớn.

- Song, chúng ta cũng có những thuận lợi cơ bản. Chính quyền nhân dân ngày càng được củng cố và tăng cường. Chế độ chính trị ổn định. Dân tộc ta anh hùng và sáng tạo. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới đang tạo ra thời cơ to lớn cho dân tộc ta phát triển.

- Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là "xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hoá phù hợp, làm cho đất nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh".

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là: "Thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau".

Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng

cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Phương hướng cơ bản để đạt tới mục tiêu tổng quát nói trên là:

Một là, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại, gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm, nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao, với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà

bình hợp tác hữu nghị đối với tất cả các nước, trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp đổi mới thắng lợi.

14. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là gì? Bản chất của hệ thống đó?

a) Theo nghĩa hẹp, hệ thống chính trị là các tổ chức chính trị xã hội như các đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức xã hội - chính trị khác, các phong trào xã hội - chính trị• có mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với quyền lực chính trị.

- Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là một cấu trúc xã hội bao gồm Đảng cộng sản, nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức xã hội - chính trị hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nhằm thực hiện quyền lực của nhân dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bắt đầu được hình thành ngay sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và nó dần dần phát triển, hoàn thiện trên cơ sở hình thành và phát triển phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

- Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là khái niệm rộng hơn "hệ thống chuyên chính vô sản". Hệ thống chuyên chính vô sản chỉ bao gồm những tổ chức cơ bản nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

b) Bản chất của một hệ thống chính trị được quy định bởi hai yếu tố cơ bản nhất là: quan hệ sản xuất nào đặc trưng cho xã hội và giai cấp nào là giai cấp cầm quyền.

- Trong chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đóng vai trò chủ đạo và giai cấp công nhân là giai cấp cầm quyền. Điều đó

quy định bản chất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa và bản chất đó thể hiện trên những mặt chủ yếu như sau:

Một là, bản chất giai cấp của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa thể hiện bản chất của giai cấp công nhân.

Hai là, bản chất dân chủ của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là sự thống trị của đa số nhân dân lao động đối với thiểu số bóc lột.

Ba là, bản chất thống nhất, không đối kháng của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa có cơ sở là chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất chủ yếu và sự thống nhất về lợi ích cơ bản của đa số nhân dân lao động.

- Với bản chất đó, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là bước quá độ chính trị tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa hoàn toàn.

15. Các tổ chức chính trị trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa có vai trò như thế nào?

Trong các nước khác nhau, các tổ chức chính trị tham gia vào hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa cũng khác nhau. Các tổ chức chính trị chủ yếu trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là: Đảng cộng sản, nhà nước và các tổ chức xã hội - chính trị khác.

- Đảng cộng sản là một bộ phận của hệ thống chính trị nhưng lại là hạt nhân lãnh đạo của toàn hệ thống chính trị. Vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản thể hiện trên các mặt chủ yếu là:

+ Đề ra cương lĩnh, đường lối, chiến lược, chính sách và tổ chức thực hiện.

+ Đảng thực hiện sự lãnh đạo thông qua nhà nước và các đoàn thể, thông qua hoạt động của các đảng viên.

- Nhà nước là cơ quan quyền lực, thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó là nhà nước của dân, do dân, vì dân, do Đảng cộng sản lãnh đạo.

+ Thông qua nhà nước mà Đảng cộng sản thực hiện được sự lãnh

đạo đối với toàn xã hội.

+ Nhà nước là cơ quan quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; nó chịu sự giám sát của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện hai chức năng cơ bản: đối nội và đối ngoại. Nhà nước xã hội chủ nghĩa tập trung và thống nhất các quyền lực nhưng có sự phân công rõ ràng các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Các tổ chức xã hội - chính trị của quần chúng hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tùy theo những đặc điểm khác nhau về giới, lứa tuổi, nghề nghiệp•

+ Các tổ chức này tạo nên cơ sở chính trị - xã hội của nhà nước và góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với quần chúng.

+ Các tổ chức này có hình thức, phương thức công tác rất đa dạng.

Cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là: Đảng lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ bằng nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội của mình.

16. Đây là sự khác nhau về chất giữa hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa với hệ thống chính trị tồn tại trong các xã hội trước đó?

Sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa đánh dấu sự thay đổi to lớn trong tiến trình phát triển của xã hội loài người.

- Các chế độ xã hội trước - từ chế độ chiếm hữu nô lệ đến phong kiến và tư bản chủ nghĩa, tuy là các chế độ xã hội rất khác nhau về mức độ và trình độ phát triển, là những nấc thang khác nhau của tiến bộ xã hội, nhưng đều có chung một bản chất là duy trì chế độ áp bức, bóc lột của một thiểu số đối với đa số. Về bản chất kinh tế, những chế độ xã hội này là những hình thái lịch sử khác nhau của

chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của xã hội. Bóc lột về kinh tế và nô dịch về chính trị, văn hoá, tinh thần là hệ quả tất yếu phát sinh từ căn nguyên kinh tế. Nó biểu hiện thành mâu thuẫn đối kháng trong các quan hệ giai cấp của xã hội. Do đó hệ thống chính trị trong các xã hội này vận động trong tính đối lập và phân cực.

Quyền lực kinh tế và chính trị của giai cấp thống trị được thực hiện trên cơ sở xung đột và loại trừ quyền lực của đa số người lao động. Trong một số trường hợp và ở những thời điểm nhất định, nếu xã hội đạt được một số tiến bộ nào đó về quyền lợi có ý nghĩa đối với nhân dân thì điều đó chủ yếu là kết quả đấu tranh của quần chúng đem lại. Cuộc đấu tranh vì dân chủ, vì hoà bình và các mục tiêu khác của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong xã hội tư bản buộc giai cấp tư sản phải có những nhượng bộ, điều chỉnh trong chính sách và pháp luật là một ví dụ tiêu biểu. Tuy vậy, về cơ bản, những quyền lợi và lợi ích của nhân dân trong các chế độ xã hội trước đây đều đã bị cắt xén và hình thức hoá. Đó chính là hạn chế phổ biến của tất cả các chế độ xã hội trước chủ nghĩa xã hội, khi mà nhân dân chưa trở thành chủ thể quyền lực xã hội.

- Sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa đã mở ra khả năng khắc phục triệt để những hạn chế đó bằng cách xoá bỏ tình trạng bóc lột và áp bức dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, xác lập chế độ công hữu. Đó là tiền đề kinh tế đảm bảo cho quần chúng lao động nắm lấy quyền lực xã hội, thực hiện mục tiêu giải phóng người lao động làm cho họ trở thành người chủ thực sự của xã hội xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sự phát sinh và hoàn thiện của các quan hệ kinh tế, các quan hệ xã hội mang tính chất xã hội chủ

nghĩa diễn ra trong quá trình lịch sử lâu dài cho nên trong một thời gian nhất định, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa chưa bộc lộ đầy đủ bản chất của nó, thậm chí còn bộc lộ những mặt non yếu trái với bản chất vốn có của nó. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa tuy

được hình thành ngay sau thắng lợi của cuộc cách mạng chính trị của giai cấp công nhân, nhằm xác lập vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, nhưng nó chỉ được hoàn thiện dần trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ phân tích sự khác nhau về chất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa với các hệ thống chính trị tồn tại trong các xã hội trước đó, chúng ta có thể rút ra mấy nhận xét:

- Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa chỉ có thể phát huy được sức mạnh của mình trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo của đảng và hoạt động của tất cả các thành tố, các tổ chức trong hệ thống theo những chức năng đặc thù của nó, nhằm một mục đích chung vì lợi ích của giai cấp công nhân và cũng vì lợi ích chung của xã hội.

- Đảm bảo quyền dân chủ và làm chủ của nhân dân lao động, tiến tới nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phát triển và hoàn thiện nó về mọi mặt là mục tiêu trực tiếp của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

- Hệ thống chính trị xã hội phải được xây dựng và thường xuyên đổi mới bảo đảm hoạt động có hiệu quả, có khả năng điều chỉnh và tự điều chỉnh để khắc phục sự trì trệ và những nhược điểm không đáng có, phát huy bản chất tốt đẹp vốn có của nó.

17. Thế nào là dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa? Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là gì?

a) Dân chủ

- Dân chủ, trước hết, là một phạm trù chính trị liên quan đến quyền lực của nhân dân, quyền tự do và bình đẳng của công dân. (Dân chủ, theo tiếng Hy Lạp, gồm hai từ ghép lại: demos - nhân dân và kratos - sức mạnh, quyền lực).

- Dân chủ với tư cách là chế độ nhà nước, là sản phẩm của quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp, phản ánh bản chất của giai cấp cầm quyền và bị quy định bởi quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó. Vấn đề dân chủ bao giờ cũng được đặt ra là: dân chủ với giai cấp nào,

tầng lớp nào và chuyên chính với ai, với giai cấp nào.

- Nhiều thành quả dân chủ mà nhân loại đạt được trở thành những giá trị nhân văn chung của quá trình giải phóng con người và tiến bộ xã hội.

Đó là những nội dung chủ yếu của khái niệm "dân chủ" ở giác độ của môn học.

b) Dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời như là kết quả tất yếu của lịch sử đấu tranh lâu dài của nhân dân lao động vì sự nghiệp giải phóng toàn thể nhân dân lao động. Lần đầu tiên trong lịch sử, nền dân chủ cho đại đa số nhân dân lao động đã được hình thành.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ mà trong đó mọi quyền lực thuộc về nhân dân, trước hết là nhân dân lao động: xã hội được quản lý bởi nhân dân và vì nhân dân thông qua nhà nước xã hội chủ nghĩa do chính nhân dân lập ra; mọi người đều được bảo đảm trên thực tế quyền tự do, bình đẳng và các quyền cơ bản khác.

c) Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa

Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện trên các khía cạnh sau:

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử nhưng nó vẫn là nền dân chủ mang tính giai cấp - đó là tính giai cấp công nhân, dân chủ đi đôi với tập trung, với kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm của công dân trước pháp luật.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế - xã hội bảo đảm, trong đó chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất đảm bảo sự thống nhất lợi ích cơ bản giữa các giai cấp, tầng lớp, cá nhân với xã hội. Trong các lĩnh vực của dân chủ xã hội chủ nghĩa thì dân chủ trong lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa cơ bản.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa phát huy cao độ tính tự giác và năng

lực sáng tạo của quần chúng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa không đồng nhất với cơ chế chính trị đa nguyên, đa đảng đối lập: chế độ một đảng hay nhiều đảng là sản phẩm của những điều kiện lịch sử cụ thể của từng nước.

18. Nội dung đổi mới hệ thống chính trị và dân chủ xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là gì?

a) Đổi mới hệ thống chính trị và dân chủ hoá đời sống xã hội là một trong những nội dung quan trọng của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ ở nước ta.

Để thực hiện đổi mới hệ thống chính trị và dân chủ hoá đời sống xã hội cần chú ý những vấn đề sau đây:

- Công cuộc đổi mới ở nước ta nói chung và đổi mới hệ thống chính trị nói riêng diễn ra trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp.

- Đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là một yêu cầu khách quan. Nhưng đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta không phải là thay đổi chế độ chính trị, là phủ nhận những nguyên lý mácxít về hệ thống chính trị, là chạy theo cơ chế chính trị tư sản. Đổi mới hệ thống chính trị phải đảm bảo thận trọng, từng bước vững chắc, không gây rối loạn và tổn hại đến chế độ xã hội chủ nghĩa. Đổi mới hệ thống chính trị phải trên cơ sở đổi mới có hiệu quả về kinh tế, góp phần tích cực ổn định đời sống chính trị - xã hội. Đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động của các bộ phận hợp thành; là đổi mới tổ chức, cán bộ; là xác lập và phân định hợp lý chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và các tổ chức quần chúng, đối với mọi hoạt động xã hội nhằm đạt hiệu quả tốt nhất, nhiều nhất.

b) Những nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện để đổi mới hệ thống chính trị và dân chủ hoá ở nước ta hiện nay là:

- Phải tổ chức, xây dựng hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị ở nước ta ngang tầm với nhiệm vụ mới. Đảng phải tự đổi mới, nâng cao trình độ trí tuệ, trình độ lãnh đạo và năng lực tổ chức của mình.

- Xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước làm cho nhà nước thực sự là công cụ quyền lực của nhân dân, bảo đảm Nhà nước là của dân, do dân, vì dân.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần được đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động để thực sự góp phần thực hiện dân chủ và đổi mới đời sống xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, tham gia các công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, giữ vững và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và các tổ chức, các đoàn thể nhân dân.

- Làm cho toàn Đảng, toàn dân nhất là những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp hiểu và thực hiện đúng nếp sinh hoạt dân chủ.

Xây dựng nề nếp, quy tắc sinh hoạt dân chủ nhằm mở rộng quyền làm chủ của mọi công dân, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân chủ và tập trung, dân chủ với pháp chế, kỷ cương, chống khuynh hướng tự do tùy tiện, vô chính phủ, cục bộ, bản vị.

Tóm lại, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là nhằm xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân. Mục tiêu cơ bản nhất của đổi mới hệ thống chính trị và tăng cường dân chủ là ở chỗ tạo ra động lực tổng hợp cho sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

19. Thế nào là cơ cấu giai cấp của xã hội và vị trí của nó? Xu hướng phát triển của cơ cấu giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là gì?

a) Cơ cấu giai cấp của xã hội là cơ cấu xã hội bao gồm các giai cấp, tầng lớp được hình thành trong quá trình lịch sử và mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp đó trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định quyết định cơ cấu giai cấp của xã hội đó.

+ Cơ cấu giai cấp có tính độc lập tương đối, do đó sự biến đổi của nó không phải bao giờ cũng đồng nhất với những biến đổi trong cơ cấu kinh tế.

+ Cần có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét vấn đề cơ cấu giai cấp.

b) Trong cơ cấu xã hội thì cơ cấu giai cấp, tức là hệ thống các giai cấp, các tầng lớp và các mối quan hệ giữa chúng, có vị trí quan trọng nhất vì:

- Theo Lênin, cái chủ yếu trong sự phân chia xã hội là "sự phân chia giai cấp".

- Cơ cấu giai cấp liên quan trực tiếp đến quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, đến địa vị xã hội của mỗi người, quy định trực tiếp các quan hệ xã hội, chính trị, kinh tế pháp lý, đạo đức v.v.. là yếu tố đặc trưng cho sự khác nhau về chất giữa xã hội này với xã hội khác, là cốt lõi của toàn bộ tổ chức xã hội.

- Quan hệ giai cấp bao giờ cũng mang tính chất chính trị, tức là nó phản ánh mối quan hệ lợi ích khác nhau của các giai cấp, các lực lượng xã hội.

c) Ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đang vận động theo định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội nên các giai cấp, các tầng lớp phát triển đa dạng và phức tạp. Sự ổn định dần của kinh tế - xã hội sẽ tạo điều kiện cho

việc từng bước hình thành cơ cấu giai cấp trong thời kỳ quá độ. Đến giai đoạn cuối của thời kỳ quá độ, các giai cấp, các tầng lớp sẽ xích lại gần nhau hơn, liên minh với nhau chặt chẽ và ổn định hơn, trong đó, liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức sẽ là nền tảng xã hội của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

- Giai cấp công nhân ngày càng phát triển đa dạng cả về số lượng và chất lượng. Sự phát triển đa dạng của nó là do tính chất của nền kinh tế sản xuất hàng hoá nhiều thành phần đang tham gia vào quá trình quốc tế hoá. Tuy hiện nay, về số lượng chưa nhiều và chất lượng cũng còn hạn chế, nhưng địa vị xã hội của giai cấp công nhân ngày càng quan trọng, là lực lượng tiên phong lãnh đạo đối với toàn xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Giai cấp nông dân ngày càng giảm đi một cách tương đối trong cơ cấu xã hội nghề nghiệp, nhưng vị trí của họ trong đời sống xã hội rất quan trọng, họ là người bạn đồng minh chiến lược của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Tầng lớp trí thức ngày càng có vị trí quan trọng trong cơ cấu giai cấp và các tầng lớp xã hội. Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đòi hỏi tầng lớp trí thức tham gia ngày càng nhiều vào quá trình sản xuất của xã hội, vì vậy, họ phải liên minh chặt chẽ với các giai cấp cơ bản của xã hội.

- Các giai cấp và các tầng lớp khác tùy theo địa vị kinh tế - xã hội của họ mà biến đổi trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội theo xu hướng hạn chế dần những mặt tiêu cực của họ và phát huy mặt tích cực phục vụ cho quá trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ.

20. Tính tất yếu, nội dung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là gì?

a) Tính tất yếu của liên minh công nhân - nông dân - trí thức.

Để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công

nhân phải thực hiện đường lối liên minh giai cấp. Vì vậy, liên minh giai cấp là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ tiến trình cách mạng của giai cấp công nhân. Trong đấu tranh cách mạng, cùng với việc xác định mục tiêu đúng đắn thì việc tập hợp và mở rộng lực lượng cách mạng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Do vậy, trong liên minh cách mạng thì không chỉ có liên minh giai cấp mà còn liên minh xã hội, nhằm đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các cá nhân đi theo giai cấp công nhân.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta nêu lên không chỉ liên minh công - nông mà còn liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Sở dĩ như vậy là vì:

- Trong quá trình cách mạng ở nước ta, việc mở rộng khối liên minh, đặc biệt khi cách mạng càng lớn mạnh, đã được Đảng ta tổng kết thành bài học có ý nghĩa lịch sử. Liên minh công - nông - trí thức đảm bảo giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời việc mở rộng liên minh cách mạng sẽ góp phần làm cho lực lượng chủ yếu của cách mạng được tăng cường và củng cố.

- Vị trí, vai trò của tầng lớp trí thức đối với sự phát triển của xã hội ngày càng to lớn. Cùng với sự trưởng thành của giai cấp công nhân và nông dân trong cơ cấu giai cấp, tầng lớp trí thức ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng và gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân và nông dân. Đội ngũ trí thức có cơ cấu ngành nghề rất đa dạng, có tri thức khoa học trên tất cả các lĩnh vực và với hình thức lao động đặc thù: lao động trí óc, lao động sáng tạo. Vì vậy họ là một thành tố quan trọng trong cơ cấu xã hội ở nước ta.

- Ngày nay, trong cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, giai cấp công nhân, nông dân không thể thực hiện được mục tiêu cách mạng của mình nếu không có đội ngũ trí thức và bản thân giai cấp công nhân và nông dân không dần dần được trí thức hoá; mặt khác, tầng lớp trí thức chỉ có thể có điều kiện phát huy khả năng của mình khi họ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng của giai

cấp công nhân và nông dân đặc biệt là sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời có đủ điều kiện vật chất để thực hiện ước mơ của mình.

b) Nội dung liên minh công nhân - nông dân - trí thức

Liên minh công - nông - trí thức là khối liên minh toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cụ thể là:

- Trên lĩnh vực chính trị

Khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức là cơ sở vững chắc cho khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên sức mạnh mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Liên minh trên lĩnh vực chính trị thể hiện tập trung nhất ở nhà nước của giai cấp công nhân, liên minh này nhằm giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân phát huy cao độ sức mạnh làm chủ của nhân dân lao động mà nòng cốt là công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức.

- Trên lĩnh vực kinh tế

+ Liên minh trên lĩnh vực kinh tế nhằm phát huy cao độ nhất khả năng của các giai cấp, các tầng lớp trong lĩnh vực sản xuất của cải vật chất cho xã hội. Giai cấp công nhân và nông dân là những giai cấp trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, bảo đảm điều kiện vật chất cho các tầng lớp xã hội khác hoạt động nghề nghiệp của mình.

Tầng lớp trí thức là người đem lại những tri thức, thành tựu của khoa học cho các lĩnh vực sản xuất vật chất cũng như tinh thần của xã hội.

+ Để củng cố khối liên minh công - nông - trí thức trên lĩnh vực kinh tế cần có chính sách giải quyết thoả đáng lợi ích của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

+ Liên minh về kinh tế còn là cơ sở để thực hiện liên minh trên các lĩnh vực khác. Nó có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

- Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội.

Liên minh trên lĩnh vực này nhằm xây dựng một nền văn hoá và các chuẩn mực xã hội trên lập trường của giai cấp công nhân, kết hợp hài hoà bản sắc dân tộc với tính tiên tiến và hiện đại. Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội, trí thức có vai trò trực tiếp trong việc nâng cao dân trí cho nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân và nông dân; đem lại cho người lao động những giá trị của văn hoá truyền thống và tinh hoa văn hoá thế giới.

Tóm lại, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức vừa là nguyên tắc, vừa là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong đường lối xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

21. Cương lĩnh về vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin có nội dung gì? Phương hướng cơ bản để củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là gì?

a) Nội dung cương lĩnh của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc.

Dựa trên những quan điểm Mác-xít về vấn đề dân tộc, dựa trên sự phân tích hai xu hướng lịch sử của phong trào dân tộc gắn liền với quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản và dựa vào sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. Lênin đã đưa ra cương lĩnh dân tộc với những nội dung sau:

- Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng có nghĩa là các dân tộc dù lớn hay nhỏ (kể cả bộ tộc và chủng tộc), không phân biệt trình độ phát triển cao hay thấp, đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về địa vị kinh tế, chính trị, văn hoá v.v., trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác.

+ Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, là mục tiêu phấn đấu của các dân tộc, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

+ Trong quốc gia có nhiều thành phần dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc không những là vấn đề ý thức tư tưởng, mà còn phải được pháp luật bảo vệ và được thể hiện sinh động trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó việc phấn đấu để khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá có ý nghĩa cơ bản.

- Các dân tộc được quyền tự quyết

+ Quyền dân tộc tự quyết trước hết là quyền tự quyết về chính trị, là quyền tự quyết định thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, không phụ thuộc vào quốc gia dân tộc khác.

+ Quyền dân tộc tự quyết còn là quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác thành một liên bang các dân tộc thống nhất trên cơ sở hoàn toàn bình đẳng cả về nghĩa vụ và quyền lợi.

+ Đây cũng là quyền cơ bản, thiêng liêng của các dân tộc. Thực chất của quyền dân tộc tự quyết là thực hiện quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của mình; là giải phóng cho các nước thuộc địa và phụ thuộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.

+ Cần phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân để xem xét và giải quyết vấn đề quyền dân tộc tự quyết; triệt để ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ; kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng chiêu bài "dân tộc tự quyết" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, giúp đỡ các thế lực phản động và dân tộc chủ nghĩa (sô vanh, hẹp hòi).

- Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

+ Đây là nội dung quan trọng trong cương lĩnh về vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin, phản ánh sự thống nhất về bản chất của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

+ Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc lại là cơ sở bảo đảm

cho sự đoàn kết nhân dân lao động các nước, các dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp giải phóng dân tộc.

+ Liên hiệp công nhân các dân tộc lại không chỉ là khẩu hiệu chiến lược, mà còn là mục tiêu phấn đấu để giai cấp, công nhân thế giới có đủ sức mạnh hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

b) Phương hướng cơ bản để củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

- Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, từ thực tiễn lịch sử đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta ngay từ đầu thành lập đã coi vấn đề dân tộc và xây dựng khối đoàn kết dân tộc có tầm quan trọng hàng đầu, đã coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam.

- Dựa vào quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh coi vấn đề quan trọng nhất trong chính sách dân tộc là đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là đối với nhân dân vùng dân tộc thiểu số, xuất phát từ nhiệm vụ cấp bách của sự nghiệp đổi mới hiện nay, Đảng và Nhà nước ta chủ trương tạo ra một quan hệ mới giữa các dân tộc trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hoá song song với việc phát huy tiềm lực kinh tế vùng dân tộc và bảo tồn vốn quý văn hoá, đặc thù dân tộc và truyền thống đoàn kết của các dân tộc Việt Nam.

Cụ thể là:

+ Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm của các dân tộc nhằm củng cố khối đoàn kết các dân tộc phục vụ mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh.

+ Ở các vùng dân tộc thiểu số, phát triển mối quan hệ tốt đẹp, gắn bó giữa các dân tộc và người từ nơi khác đến trên tinh thần

đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

+ Tăng cường đầu tư của nhà nước kết hợp với tinh thần tự lực tự cường của nhân dân các dân tộc nhằm phát huy thế mạnh của kinh tế vùng dân tộc thiểu số, ưu tiên ổn định đời sống đồng bào các dân tộc vùng cao, biên giới.

+ Tôn trọng tình cảm, tâm lý, lợi ích, truyền thống tốt, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc, phát triển bản sắc dân tộc, tính đa dạng văn hóa của các dân tộc thiểu số.

+ Tăng cường bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Đó là những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đó cũng là những phương hướng nhằm giúp các dân tộc thiểu số nhanh chóng khắc phục những khó khăn trong cuộc sống, tiến kịp trình độ văn minh chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

22. Đây là bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo? Những quan điểm chỉ đạo trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo và nhiệm vụ công tác tôn giáo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là gì?

a) Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

- Bản chất của tôn giáo: tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội ra đời rất sớm trong lịch sử, nó là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc con người những sức mạnh ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ. Sự phản ánh mà các lực lượng ở thế gian mang màu sắc siêu thế gian.

- Nguồn gốc tôn giáo. Tôn giáo ra đời do các nguồn gốc sau:

+ Nguồn gốc nhận thức: do khả năng nhận thức của con người đối với mọi hiện tượng (tự nhiên và xã hội) rất hạn chế nên họ phản ánh sai lạc bản chất các hiện tượng ấy, đi đến thần thánh hoá nó.

+ Nguồn gốc xã hội: đó là do tính tự phát của các mối quan hệ xã

hội của con người và chế độ áp bức bóc lột người. Tôn giáo ra đời còn có nguồn gốc tâm lý: tâm lý sợ sệt, yếu đuối, thiếu sức mạnh của lý trí tạo ra những xúc cảm tiêu cực, tạo điều kiện nảy sinh ý thức tôn giáo.

- Tính chất của tôn giáo

+ Tính lịch sử: Tôn giáo là một phạm trù có tính lịch sử, nghĩa là nó ra đời và tồn tại trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Do đó nó tồn tại và sẽ mất đi trên cơ sở điều kiện sinh hoạt vật chất đã phát triển ở trình độ nhất định của xã hội.

+ Tính chính trị: Trong xã hội có giai cấp đối kháng, một mặt, là sự phản kháng tiêu cực của quần chúng bị áp bức bóc lột: mặt khác, tôn giáo bị các giai cấp thống trị lợi dụng, chúng biến tôn giáo thành công cụ thống trị áp bức, bóc lột và mê hoặc quần chúng.

+ Tính quần chúng: Tôn giáo thâm nhập vào quần chúng nhân dân và lôi kéo một bộ phận không nhỏ nhân dân vào các tôn giáo, biến tôn giáo thành đức tin, lối sống và lẽ sống của một bộ phận dân cư, trở thành nhu cầu giải phóng, nhu cầu hạnh phúc của một số người.

b) Những quan điểm chỉ đạo trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

- Trong chủ nghĩa xã hội, một xã hội mới thoát thai từ chủ nghĩa tư bản, những nguyên nhân nảy sinh và tồn tại của tôn giáo chưa có thể khắc phục được nên vẫn còn lý do để tôn giáo tồn tại. Cụ thể là:

+ Trình độ văn hoá, khoa học, kỹ thuật của con người chưa cho phép con người có thể nắm được và chế ngự các lực lượng của tự nhiên và xã hội tác động thường xuyên tới cuộc sống của con người.

+ Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc còn tiếp tục và gay gắt: những tàn dư của chế độ cũ vẫn còn tồn tại: các thế lực phản động luôn âm mưu khuyến khích những tàn dư lạc hậu, lợi dụng tôn giáo để chống lại chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại lợi ích của nhân dân

và của dân tộc.

+ Tôn giáo là hình thái ý thức xã hội có tính chất bảo thủ, do đó, tồn tại khá lâu ngay cả khi điều kiện kinh tế - xã hội đã có nhiều biến đổi.

- Việc giải quyết vấn đề tôn giáo dưới chủ nghĩa xã hội cần quán triệt những quan điểm cơ bản sau:

+ Tôn giáo và tín ngưỡng còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân, do đó, phải thực sự tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, tuyệt đối không xâm phạm đến tình cảm tôn giáo của công dân, trừng trị những kẻ đội lốt tôn giáo để chống chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết những người theo hoặc không theo tôn giáo nhằm thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Tôn trọng tự do tín ngưỡng nhưng kiên quyết bài trừ, chống mê tín dị đoan và chống các lực lượng lợi dụng tôn giáo, lợi dụng mê tín dị đoan để tuyên truyền quan điểm trái với chủ nghĩa Mác - Lênin.

c) Nhiệm vụ công tác tôn giáo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và trình độ văn hoá của đồng bào theo các tôn giáo.

- Hướng dẫn các tôn giáo hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật, khuyến khích lối sống "tốt đời, đẹp đạo", ủng hộ và phát huy những yếu tố tích cực của tôn giáo trong đạo đức và hành vi hướng thiện, bài trừ cái ác; xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

- Tăng cường cảnh giác, kịp thời chống lại những âm mưu và hành động lợi dụng tôn giáo, chia rẽ tôn giáo, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Quan hệ quốc tế và đối ngoại của tôn giáo phải theo đúng đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta nhằm tranh

thủ cao nhất sự giúp đỡ của tất cả các nước, trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

23. Gia đình có vai trò như thế nào trong xã hội? Đây là những chức năng của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Gia đình là tế bào của xã hội, là hình thức cộng đồng xã hội đầu tiên của con người, trong đó con người gắn bó với nhau bởi các mối quan hệ hôn nhân (vợ chồng) và huyết thống (cha mẹ và con cái).

a) Gia đình có vị trí và vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội.

- Bất cứ xã hội nào muốn tồn tại và phát triển đều phải cần đến hai loại sản xuất: một là, sản xuất ra thức ăn, vật dụng...và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; hai là, sản xuất ra con người để duy trì nòi giống và tái sản xuất lực lượng lao động cho xã hội. Gia đình với chức năng tái tạo ra con người, tái tạo ra sức lao động đã tham gia ngay từ đầu vào cả hai quá trình sản xuất đó.

- Sự vận động và phát triển của mọi xã hội, suy cho đến cùng, là do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định, trong đó con người lao động là lực lượng sản xuất đóng vai trò quyết định. Gia đình với chức năng tái sản xuất ra lực lượng lao động cho xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Vì vậy, gia đình có vị trí và vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội.

- Mặt khác, hình thức kết cấu và tính chất của gia đình cũng là những nhân tố tác động đến sự phát triển của mỗi thành viên trong gia đình, đến lực lượng sản xuất của xã hội. Do đó, gia đình là một nhân tố tác động quan trọng đến sự vận động và phát triển của xã hội.

- Trong các chế độ xã hội khác nhau, vị trí và vai trò của gia đình đối với xã hội cũng có sự khác nhau.

+ Dưới chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, chức năng quan trọng của gia đình là tích lũy tài sản và sinh ra người thừa kế tài sản của người chủ sở hữu (người chồng, người cha). Do vậy, nét nổi bật trong quan hệ gia đình trong các chế độ xã hội ấy là sự bất bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và các con, giữa anh em với nhau. Điều đó đã dẫn đến sự rạn nứt những mối quan hệ trong gia đình. Cũng vì vậy mà nảy sinh mâu thuẫn giữa gia đình và xã hội, làm hạn chế vai trò của gia đình đối với sự phát triển của xã hội.

+ Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa bao gồm cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, gia đình và các mối quan hệ trong gia đình đã có sự thay đổi căn bản: gia đình thực sự là tế bào của xã hội và gắn bó mật thiết với xã hội: mọi người trong gia đình đều bình đẳng, tôn trọng và thương yêu nhau. Xã hội thừa nhận và bảo vệ những quyền bình đẳng đó nhằm bảo đảm cho mỗi người tự do và phát triển toàn diện. Dưới chủ nghĩa xã hội, lợi ích của mỗi người, mỗi gia đình và xã hội là thống nhất về cơ bản. Chủ nghĩa xã hội còn tạo ra những điều kiện thuận lợi để mỗi gia đình hoàn thành những nhiệm vụ đối với xã hội, do vậy đã phát huy được vai trò tích cực của gia đình đối với sự phát triển của xã hội.

- Vai trò quan trọng của gia đình dưới chủ nghĩa xã hội còn được thể hiện ở những chức năng của nó.

b) Những chức năng cơ bản của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- Chức năng tái sản xuất ra con người, tái tạo và bảo dưỡng sức lao động cho xã hội.

+ Đây là chức năng xã hội quan trọng của gia đình.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc thực hiện chức năng này của gia đình diễn ra theo hướng ngày càng tăng cường sự kết hợp gia đình - xã hội theo sự định hướng của xã hội nhằm bảo đảm cho mỗi gia đình có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, trẻ em trong mọi gia đình đều

được học hành, và do đó xã hội cũng phát triển.

+ Sinh đẻ có kế hoạch đang là một yêu cầu của xã hội ta hiện nay, đồng thời còn là yêu cầu và tiền đề để gia đình nuôi dưỡng con cái ngày càng tốt hơn. Thực hiện tốt vấn đề này chính là gia đình đã đóng góp một phần quan trọng làm cho xã hội phát triển.

+ Gia đình còn là môi trường thuận lợi nhất để tổ chức nghỉ ngơi, giải trí bảo đảm tái tạo, bảo dưỡng sức lao động xã hội của các thành viên trong gia đình.

+ Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch và kế hoạch hoá gia đình ở nước ta hiện nay chính là nhằm giúp cho gia đình thực hiện tốt chức năng xã hội quan trọng này, đồng thời có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Chức năng kinh tế. Đây cũng là một chức năng quan trọng của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bởi vì thực hiện tốt chức năng này, gia đình chẳng những có được những điều kiện vật chất để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy và giáo dục con cái tốt hơn, mà gia đình góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những việc làm cụ thể.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước rất quan tâm đến việc "xây dựng gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ". Đáp lại sự quan tâm đó, nhiều gia đình đã tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để tăng thêm nguồn thu nhập chính đáng của gia đình và góp phần thúc đẩy nền kinh tế của xã hội phát triển.

- Chức năng tổ chức đời sống gia đình

+ Đây là một chức năng rất cần thiết của gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm tạo điều kiện để mỗi gia đình có thể tổ chức tốt đời sống gia đình trong những điều kiện hiện có. Bởi vì cuộc sống gia đình được tổ chức tốt là điều kiện quan trọng để người lao động yên tâm làm tốt nhiệm vụ xã hội.

+ Tổ chức tốt đời sống gia đình chính là việc sử dụng một cách hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình và quỹ thời gian nhàn rỗi nhằm tạo ra một môi trường văn hoá lành mạnh trong gia đình, trong đó tình cảm ruột thịt, quyền lợi vật chất của mỗi thành viên được bảo đảm.

- Chức năng bồi dưỡng giáo dục thế hệ con cái thành những công dân tốt cho xã hội.

Đây cũng là chức năng xã hội vốn có của gia đình. Dưới chủ nghĩa xã hội, lợi ích gia đình, về căn bản, gắn bó với lợi ích xã hội, trẻ em thực sự trở thành tương lai của xã hội. Do vậy, chăm lo bồi dưỡng, giáo dục con cái trở thành những công dân tốt cho xã hội không chỉ là tình cảm ruột thịt, mà còn là trách nhiệm, nghĩa vụ của gia đình đối với xã hội. Làm tốt chức năng này cũng chính là vì hạnh phúc của mọi gia đình, bởi vì, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt.

24. Đây là cơ sở của chế độ hôn nhân và gia đình mới trong chủ nghĩa xã hội?

Hôn nhân là tiền đề của gia đình. Dưới chủ nghĩa xã hội, chế độ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng là những cơ sở để xây dựng gia đình mới - gia đình xã hội chủ nghĩa.

- Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân dựa trên tình yêu chân chính.

+ Tình yêu chân chính là quan hệ tình cảm nảy sinh trong quá trình gặp gỡ hiểu biết và thông cảm với nhau giữa người nam và người nữ. Trong quá trình gặp gỡ và hiểu biết đó, họ tìm thấy ở nhau những điểm tương đồng có thể đảm bảo cho việc xây dựng cuộc sống lứa đôi bền vững, hạnh phúc. Từ đó, họ gắn bó, quây quần yêu thương nhau và đi đến kết hôn với nhau. Tình yêu chân chính là cơ sở của hôn nhân tự nguyện và tiến bộ.

+ Tình yêu chân chính còn là khát vọng của con người, nó tạo cho con người sức mạnh để giúp nhau vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

+ Hôn nhân tự nguyện là bước phát triển tự nhiên của tình yêu chân chính, đồng thời xuất phát từ tinh thần trách nhiệm cao đối với người kết hôn, đối với việc xây dựng gia đình hạnh phúc trong tương lai. Trong cuộc sống gia đình, tình yêu được củng cố trên cơ sở vợ chồng bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành những nhiệm vụ đối với gia đình và đối với xã hội.

+ Hôn nhân tự nguyện không chấp nhận sự ép duyên gây ra từ phía bố mẹ, hay từ bất kỳ một phía nào khác. Theo Ăngghen, phải để cho nam nữ có quyền tự do định đoạt tương lai hạnh phúc của họ, có như vậy họ mới có trách nhiệm đầy đủ với nhau, tránh được những đau khổ cho cả hai người, nhất là đối với phụ nữ.

+ Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ đòi hỏi phải được bảo đảm về mặt pháp lý. Điều đó không chỉ là biểu hiện trách nhiệm của cả hai người đối với việc kết hôn, với việc xây dựng gia đình tương lai của mình, và trách nhiệm trước xã hội, mà còn là yêu cầu cần thiết bảo đảm cho việc xây dựng gia đình hạnh phúc, ngăn chặn những kẻ xấu lợi dụng làm hại những người nhẹ dạ, phá vỡ cuộc sống hạnh phúc của người khác.

+ Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ còn bao hàm cả quyền ly hôn với những lý do chính đáng. Khi tình yêu giữa vợ và chồng không còn nữa, cả hai đều nhận thấy không thể chung sống hạnh phúc và đều thuận tình ly hôn, thì ly hôn là điều hay cho cả hai người và xã hội.

- Thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

+ Hôn nhân tự nguyện, dựa trên tình yêu chân chính theo bản chất của nó là hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

+ Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng là phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên, với tâm lý, tình cảm và đạo đức con người, do vậy là cơ sở đảm bảo xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

+ Dưới chế độ người bóc lột người, hôn nhân một vợ một chồng chỉ là hình thức, thực chất là chế độ nhiều vợ công khai hoặc che giấu, do đó, không có sự bình đẳng và hạnh phúc thực sự.

25. Vì sao phải phát huy nhân tố con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội?

Đâu là những đặc trưng cơ bản của con người xã hội chủ nghĩa?

a) Con người và nhân tố con người

- Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, con người, một mặt, là sản phẩm của các mối quan hệ xã hội: và mặt khác, con người còn là chủ thể của tất cả các mối quan hệ xã hội, thông qua các mối quan hệ ấy mà thể hiện bản chất xã hội của mình.

- Nhân tố con người là toàn bộ những dấu hiệu đặc thù nói lên vai trò của con người trong hệ thống các mối quan hệ xã hội như là chủ thể hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Theo quan điểm mácxít, nhân tố con người có các nội dung sau:

+ Là chủ thể tổng hợp của đời sống xã hội mà hoạt động của nó nhằm thúc đẩy tiến bộ xã hội.

+ Nói đến nhân tố con người là nói đến tiềm năng của con người có thể khai thác, có thể sử dụng để phát triển xã hội loài người - đó là những chỉ tiêu về số lượng, chất lượng, về năng lực của con người và cộng đồng người.

+ Là những tiêu chí về nhân cách, về chức năng xã hội của con người.

b) Vì sao phải phát huy nhân tố con người trong chủ nghĩa xã hội?

- Xuất phát từ quan điểm của triết học Mác – Lênin về vai trò

sáng tạo ra lịch sử của quần chúng nhân dân trong mọi hình thái kinh tế - xã hội, chủ nghĩa xã hội khoa học khẳng định việc phát huy nhân tố con người là yếu tố quyết định sự thắng lợi của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong chủ nghĩa xã hội, con người, một mặt, là sản phẩm tổng hợp của các mối quan hệ xã hội, mặt khác, con người còn là chủ thể của các mối quan hệ ấy. Do đó, việc phát huy sức mạnh của nhân tố con người trong việc xây dựng một xã hội mới là yếu tố rất quan trọng.

- Trong chủ nghĩa xã hội, con người được giải phóng, khả năng nhận thức, vận dụng các quy luật khách quan ngày càng cao, con người tham gia vào quá trình xây dựng xã hội mới một cách tự giác, có ý thức và trách nhiệm đối với Tổ quốc, có kỷ luật, có kỹ thuật cao, nên vai trò của con người có ý nghĩa ngày càng to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

- Phát huy nhân tố con người trong chủ nghĩa xã hội còn là quá trình con người tự đào tạo, tự hoàn thiện để ngày càng trở thành chủ thể của các quá trình xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

c) Những đặc trưng cơ bản của con người xã hội chủ nghĩa

- Con người xã hội chủ nghĩa là con người có ý thức và năng lực, trình độ làm chủ, có đủ điều kiện để thực hiện năng lực làm chủ của mình.

Vì rằng:

- Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, con người đã được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, công bằng xã hội ngày càng được bảo đảm.

- Chế độ xã hội chủ nghĩa được thiết lập trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất hài hoà giữa lợi ích cá nhân - tập thể - xã hội.

- Con người xã hội chủ nghĩa là con người lao động mới. Nghĩa là:

+ Có sức khoẻ và lao động giỏi.

+ Có tri thức sâu sắc về công việc của mình.

+ Biết công hiến khả năng cao nhất của mình cho xã hội: biết tự đánh giá chất lượng lao động của mình và biết hưởng thụ thành quả lao động của mình tùy theo kết quả lao động.

- Con người xã hội chủ nghĩa là con người sống có văn hoá và tình nghĩa: Con người xã hội chủ nghĩa có đời sống phong phú; có khả năng và điều kiện phát triển tự do, toàn diện cả về thể chất và tinh thần; có tri thức về các lĩnh vực khác nhau trong xã hội, về tự do, kỷ luật và trách nhiệm của công dân.

- Con người xã hội chủ nghĩa, một mặt, là con người có lòng yêu nước nồng nàn, biết kế thừa và phát huy đầy đủ truyền thống dân tộc, mặt khác, có khả năng tiếp thu những thành tựu của văn minh nhân loại, có tinh thần quốc tế cao cả.

Những đặc trưng trên đây là một chỉnh thể thống nhất hợp thành bản chất xã hội của con người xã hội chủ nghĩa. Những đặc trưng này được hình thành, hoàn thiện từng bước, thông qua quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

26. Đây là những phương hướng chủ yếu nhằm phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay?

a) Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, việc đề ra và thực hiện các phương hướng chủ yếu nhằm phát huy nhân tố con người có ý nghĩa cấp bách. Những phương hướng đó phải dựa trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, khơi dậy những tiềm năng to lớn của nhân tố con người, tạo điều kiện bảo đảm cho những tiềm năng đó thành hiện thực.

Những phương hướng chủ yếu sau:

- Hình thành và từng bước hoàn chỉnh một hệ thống chính sách xã hội phù hợp

Chính sách xã hội đúng đắn nhất, xét cho cùng là chính sách lấy việc phát huy nhân tố con người, xây dựng từng bước con người xã hội

chủ nghĩa làm trọng tâm.

Trong việc phát huy nhân tố con người, chính sách xã hội có vai trò rất quan trọng.

+ Chính sách xã hội tạo điều kiện điều chỉnh mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp trong chủ nghĩa xã hội, bảo đảm sự tác động qua lại, vận động của các quan hệ đó theo định hướng vì mục tiêu cách mạng của giai cấp công nhân, trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức.

+ Chính sách xã hội tạo khả năng và đề ra những biện pháp cụ thể để điều chỉnh mức độ phát triển dân số nâng cao sức khoẻ, trình độ học vấn - trí tuệ của các cộng đồng người trong xã hội, tạo ra tiềm năng to lớn cho mọi người tham gia công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Chính sách xã hội tạo ra khả năng bảo đảm trên thực tế những điều kiện để hình thành ở mỗi công dân nhân cách của con người xã hội chủ nghĩa và từng bước hoàn thiện nhân cách đó. Ngược lại, nhân tố con người hoặc phát huy sẽ thúc đẩy tiến trình cách mạng. Như vậy, việc xây dựng từng bước con người xã hội chủ nghĩa là động lực của việc phát huy nhân tố con người.

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý của chế độ xã hội mới

Việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý các quá trình xã hội xã hội chủ nghĩa là giải pháp có ý nghĩa then chốt bảo đảm cho những mục tiêu của chính sách xã hội được thực hiện.

Quản lý các quá trình xã hội trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự tác động có ý thức, có định hướng đến toàn bộ hệ thống các quan hệ xã hội, đến toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Vai trò của cơ chế quản lý đối với việc phát huy nhân tố con người thể hiện ở những mặt sau:

+ Các tổ chức, thiết chế của cơ chế quản lý, do bản chất của nó, là

một cơ chế dân chủ - nhà nước phải thực sự là của dân - do dân - vì dân.

+ Bằng các công cụ quản lý, các thiết chế, tổ chức quản lý có tác dụng to lớn trong việc phát huy nhân tố con người. Việc đề ra và từng bước hoàn thiện các công cụ quản lý, trong đó chủ yếu là công cụ pháp luật, cơ chế quản lý có tác dụng to lớn trong việc phát huy nhân tố con người: điều chỉnh các quan hệ xã hội cho phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa; bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của đất nước, hình thành ý thức chính trị mới, năng lực, phẩm chất của con người xã hội chủ nghĩa... Trong mỗi thời kỳ cách mạng, các công cụ quản lý cũng phải thay đổi, hoàn thiện cho phù hợp. Chừng nào công việc này được tiến hành nghiêm túc thì nhân tố con người được phát huy, nếu không sẽ tác động ngược lại.

- Đẩy mạnh cuộc cách mạng tư tưởng - văn hoá, từng bước xây dựng con người xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng tư tưởng - văn hoá là một bộ phận hợp thành của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng tư tưởng - văn hoá trực tiếp từng bước hình thành thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa ở mỗi công dân. Từng bước đi đến xoá bỏ tư tưởng - văn hoá cũ; nâng cao trình độ văn hoá, bồi dưỡng tình cảm đạo đức con người mới v.v..

Việc phát huy nhân tố con người là động lực của cuộc cách mạng trên lĩnh vực văn hoá - tư tưởng. Ngược lại, cuộc cách mạng đó tạo tiền đề quan trọng để phát huy nhân tố con người, từng bước xây dựng con người xã hội chủ nghĩa.

Ở đây cần phải hiểu nhân tố con người với tư cách vừa là chủ thể vừa là khách thể của cuộc cách mạng đó, hơn nữa của toàn bộ sự nghiệp cách mạng nói chung.

Những phương hướng chủ yếu trên hình thành một hệ thống và có quan hệ chặt chẽ. Chủ nghĩa xã hội lấy con người làm trung tâm, vì

vậy phát huy nhân tố con người phải trở thành một trong những vấn đề trọng tâm của toàn bộ đường lối, chương trình hoạt động của đảng cộng sản và nhà nước.

27. Dựa trên cơ sở nào để phân chia lịch sử loài người thành các thời đại khác nhau? Thời đại ngày nay là gì?

a) Thời đại theo nghĩa chung, là một thời kỳ nhất định tương đối dài trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, được đánh dấu bằng bước ngoặt căn bản trong sự phát triển của nó và được đặc trưng bằng những xu hướng phát triển tương đối ổn định.

Chủ nghĩa xã hội khoa học phân định thời đại dựa trên những cơ sở sau:

+ Sự xuất hiện một hình thái kinh tế - xã hội mới tiến bộ hơn những hình thái kinh tế - xã hội trước đó.

+ Có một giai cấp nhất định đại diện cho hình thái kinh tế - xã hội mới đứng ở vị trí trung tâm và giữ vai trò tiên phong, quyết định sự phát triển của xã hội trong thời đại mới.

- Sự xuất hiện một hình thái kinh tế - xã hội mới là sự mở đầu của một thời đại mới. Trong cùng một thời đại, nhất là thời kỳ đầu thường bao gồm cả sự thiết lập hình thái kinh tế - xã hội mới và sự tồn tại ở mức độ nào đó của hình thái kinh tế - xã hội cũ. Xét trên phạm vi thế giới, có một số nước đang vươn lên xây dựng xã hội mới và những nước còn lại đang trong quá trình đấu tranh xoá bỏ xã hội cũ để vươn lên xây dựng xã hội mới. Các hình thái kinh tế - xã hội ấy tồn tại bên nhau trong cùng một thời đại và đấu tranh với nhau, cuối cùng hình thái kinh tế - xã hội mới, tiêu biểu cho xu hướng phát triển của lịch sử, sẽ chiến thắng.

b) Thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga đã mở đầu cho sự

ra đời một hình thái kinh tế - xã hội mới - hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa tiến bộ hơn hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

+ Giai cấp đại diện cho hình thái kinh tế - xã hội mới là giai cấp công nhân. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp giữ vai trò tiên phong, quyết định xu hướng phát triển của nhân loại trong thời đại ngày nay.

28. Đây là nội dung cơ bản của thời đại và đặc điểm nổi bật của nó trong giai đoạn hiện nay?

a) Nội dung cơ bản của thời đại ngày nay

- Nội dung cơ bản của thời đại ngày nay là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

+ Khẳng định nội dung cơ bản của thời đại như vậy cũng tức là vạch ra chiều hướng phát triển chủ yếu của một giai đoạn lịch sử.

+ Khái niệm "quá độ" ở đây phản ánh trạng thái đan xen trong suốt thời kỳ dài sự tồn tại hai hệ thống xã hội đối lập - xã hội tư bản đang bắt đầu bị thay thế dần bằng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

+ Cách mạng Tháng Mười được coi là cột mốc mở đầu thời đại mới. Trong nhiều thập kỷ qua, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước trên thế giới đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã là chỗ dựa cho cách mạng thế giới - phong trào giải phóng dân tộc phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân trong các nước tư bản góp phần to lớn vào việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Chính vì thế, sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã có nhiều nước, nhiều dân tộc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành xu thế của thời đại.

+ Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội với tư cách là một hình thái kinh tế

- xã hội ra đời sau Cách mạng Tháng Mười Nga còn rất mới mẻ và non trẻ, nó thật sự cần nhiều thời gian để khẳng định tính ưu việt của mình trước mọi chế độ xã hội cũ. Những tổn thất ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trong những năm gần đây là một thực tế, chúng ta không phủ nhận. Nhưng những tổn thất đó hoàn toàn không phải là sai lầm xuất phát từ bản chất của chủ nghĩa xã hội.

+ Hiện nay, chủ nghĩa tư bản còn tồn tại và đã có nhiều thay đổi nhờ ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ mới. Nhưng, những thay đổi đó không làm thay đổi bản chất và những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản.

b) Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội đang diễn ra gay go, phức tạp, chủ nghĩa xã hội đang gặp nhiều khó khăn thử thách, đang khủng hoảng trầm trọng; lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, nhưng chủ nghĩa xã hội cuối cùng nhất định thắng lợi.

- Các thế lực đế quốc, phản động hiện nay đang lợi dụng những sai lầm, khó khăn của nhiều nước xã hội chủ nghĩa để đẩy mạnh cuộc phản kích chống chủ nghĩa xã hội, phá hoại khối đoàn kết thống nhất của phong trào công nhân và phong trào cách mạng của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, nó tác động mạnh tới nhịp độ phát triển của nhiều nước, đồng thời cũng đặt ra những thách thức gay go đối với những nước lạc hậu về kinh tế. Tình hình đó đã dẫn đến một thực tế hiện nay là các nước vừa phải đấu tranh, vừa hợp tác với nhau để phát triển kinh tế. Vì thế, cuộc đấu tranh của các nước, các dân tộc vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội lại càng trở nên phức tạp hơn, gay go hơn.

- Sự ra đời của hơn một trăm quốc gia độc lập trẻ tuổi cũng đã có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình chính trị thế giới. Các nước này

đang tiến hành cuộc đấu tranh gay go, phức tạp chống nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc.

- Sự xuất hiện những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người như giữ gìn hoà bình, bảo vệ môi trường, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những căn bệnh hiểm nghèo đòi hỏi các quốc gia, các dân tộc, không phân biệt chế độ chính trị xã hội, phối hợp hành động chung với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích và sự tồn tại của cả loài người.

Nhận thức những đặc điểm trên đây của thời đại ngày nay cung cấp cho chúng ta cơ sở khoa học để luận chứng tính tất yếu, hợp quy luật của định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời giúp chúng ta nhìn nhận thời cơ và thử thách mới để tiến lên xây dựng thành công một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc NGUYỄN VĂN THỎA

Tổng biên tập NGHIÊM ĐÌNH VỠ

Biên tập và sửa bản in:

BAN BIÊN TẬP KHOA HỌC XÃ HỘI

Trình bày bìa:

NGUYỄN THỊ HÒA